

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68/2018/DS-ST**

Ngày 08-5-2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Trần Trọng Quang

Ông Nguyễn Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Chị Lê Thị U, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Anh Phan Văn S (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2017, nguyên đơn chị Phạm Thị V trình bày: Chị có tham gia và mua tổng cộng 03 dây hụi do anh Phan Văn S và chị Lê Thị U làm chủ, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi 500.000 đồng, khai ngày 20/5^{al}/2016, một tháng khai một lần, hụi gồm 30 phần, chị V tham gia 1 phần, đến lần khai thứ 18 thì anh S và chị U tuyên bố ngưng khai. Như vậy, trong dây hụi này anh S và chị U nợ chị số tiền hụi vốn và lãi là 9.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 20/10^{al}/2016, một tháng khai một lần, hụi gồm 30 phần, chị V không tham gia. Tuy nhiên, đến kỳ khai thứ 8 thì anh S và chị U kêu chị bán một phần hụi với số tiền 25.560.000 đồng, khi mãn hụi anh S, chị U trả cho chị số tiền 30.000.000 đồng. Hụi khai đến lần thứ 25 thì anh S và chị U tuyên bố ngừng khai. Trong dây hụi này có 25 phần chết và 5 phần hụi sống x 640.000 đồng, anh S và chị U nợ chị số tiền 28.200.000 đồng.

Dây 3: Hụi 500.000 đồng, khai ngày 20/5^{al}/2016, một tháng khai một lần, hụi gồm 30 phần, chị V không tham gia. Đến kỳ khai hụi thứ 3 thì anh S và chị U kêu bán một phần với số tiền 10.500.000 đồng, khi mãn hụi anh S, chị U trả cho chị số tiền 15.000.000 đồng. Hụi khai đến lần thứ 18 thì anh S và chị U ngưng không khai nữa. Trong dây hụi này có 18 phần chết và 12 phần hụi sống x 335.000 đồng, anh S và chị U nợ chị số tiền 13.020.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi anh S và chị U còn nợ số tiền 50.220.000 đồng, nên chị yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 01 năm 2018 và tại biên bản hòa giải, bị đơn chị Lê Thị U trình bày: Chị V có tham gia và mua tổng cộng là 03 dây hụi do chị làm đầu thảo nhưng tổng số tiền vốn 03 dây hụi trên chị còn nợ chị V số tiền 42.660.000 đồng. Việc chị tổ chức mở hụi anh S hoàn toàn không biết vì bận đi làm xa nên việc chị V yêu cầu anh S cùng chị trả số nợ trên là không có cơ sở. Chị đồng ý trả cho chị V số tiền 42.660.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 01 năm 2018, bị đơn anh Phan Văn S trình bày: Việc chị U tổ chức chơi hụi anh hoàn toàn không biết, số tiền hụi chị U sử dụng vào chi tiêu cá nhân. Do đó anh không đồng ý cùng chị U trả số tiền 50.220.000 đồng theo yêu cầu của chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị V có đơn khởi kiện anh Phan Văn S và chị Lê Thị U để yêu cầu trả số tiền nợ hụi. Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng góp hụi”. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn chị Lê Thị U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, còn anh Phan Văn S có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị U và anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Phạm Thị V và chị Lê Thị U có lời trình bày thống nhất là chị U làm chủ hụi, chị V có tham gia và mua hụi 3 dây với tổng số tiền là 50.220.000 đồng. Do chị U vi phạm nghĩa vụ, nên chị V yêu cầu anh S và chị U

trả ngay số tiền trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, chị V có thay đổi yêu cầu, chị chỉ yêu cầu anh S và chị U trả số tiền 42.660.000 đồng theo lời thừa nhận của chị U, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của chị Phạm Thị V là có căn cứ, bởi lẽ, tại phiên hòa giải chị U thừa nhận có nợ chị V số tiền hui nhưng chị yêu cầu được trả vốn với số tiền là 42.660.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét yêu cầu xin trả dần số nợ của chị U, không được chị V đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh Phan Văn S cho rằng việc chị U tổ chức mở hui anh không biết và số tiền có được từ việc chơi hui chị U chỉ sử dụng vào chi tiêu cá nhân nên không đồng ý cùng chị U trả cho chị V số tiền là không có cơ sở, vì chị U và anh S là vợ chồng hợp pháp, sống chung một nhà, chị U tổ chức mở hui trong thời kỳ hôn nhân, chị U làm chủ hui và tổ chức mở hui tại nhà đã nhiều năm nhưng anh S xác định không biết là không đúng. Mặt khác, chị U cũng thừa nhận, trong quá trình tổ chức mở hui, chị có nhờ anh S thu, giao tiền hui dùm chị theo lời trình bày của chị V nên Hội đồng xét xử buộc anh S phải có trách nhiệm cùng chị U trả cho chị V số nợ là phù hợp.

[4] Án phí: Anh Phan Văn S và chị Lê Thị U phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 30 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị V.

2. Buộc anh Phan Văn S và chị Lê Thị U phải có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị V số tiền 42.660.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn) đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí: Anh Phan Văn S và chị Lê Thị U phải chịu 2.133.000 (Hai triệu, một trăm ba mươi ba ngàn) đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị V số tiền 1.255.000 (Một triệu, hai trăm năm mươi năm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 14475 ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Cai Lậy.
- CCTHADS Cai lậy.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Hồng Phượng